

Bản án số: 183/2026/DS-ST

Ngày: 30-6-2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Huyền Trang

Bà Lê Thị Kim Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 4682/2025/TLST-DS ngày 29/12/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 388/2026/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 257/2026/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; Địa chỉ trụ sở: Tầng A (tầng trệt) và Tầng B Tòa nhà S, Số A đường P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Mạnh L, sinh ngày 02/3/1988, CCCD số 079088021246 hoặc ông Phạm Xuân T, sinh ngày 01/11/1998, CCCD số 066098000201 hoặc bà Nguyễn Thu A, sinh ngày 19/6/2002, CCCD số 083302007628; Địa chỉ liên hệ: Tầng C, Số A đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 03664526 ngày 02 tháng 02 năm 2026)

Bị đơn: Ông Đoàn Du L1, sinh ngày 11/9/1958, CCCD số 079058008470 và bà Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 01/11/1960, CCCD số 062160000035; Địa chỉ thường trú: Số A đường K, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: A Đường A, KDC P, Ấp E, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 4 năm 2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Xuân T điều trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng tín dụng số 1716388.20 ngày 09 tháng 3 năm 2020 kèm theo Điều khoản và Điều kiện cấp tín dụng, thỏa thuận nguyên đơn cho bị đơn vay 240.000.000 đồng; Thời hạn vay 84 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân; Mục đích vay: Thanh toán mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota, hợp đồng mua bán xe số 02178TAS20-HDMB ngày 26/02/2020.

Tài sản bảo đảm nghĩa vụ thanh toán nợ là xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, số loại Wigo, biển số 51H-268.79, số khung MHKA7GE5VKJ005179, số máy 3NRH486022 (Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 554733 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 3 năm 2020) theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5982398.20 ngày 09 tháng 3 năm 2020 và Phụ lục 1, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09 tháng 3 năm 2020.

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn 240.000.000 đồng ngày 10 tháng 3 năm 2020; Thời hạn vay 84 tháng, từ ngày 11 tháng 3 năm 2020 đến ngày 10 tháng 3 năm 2027; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,6%/năm áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng Lãi suất cơ sở theo sản phẩm tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm; Hoàn trả khoản vay gốc mỗi tháng 2.858.000 đồng, kỳ cuối trả 2.786.000 đồng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 25 tháng 3 năm 2020 theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 1716388(1).20 ngày 10 tháng 3 năm 2020.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán 101.487.771 đồng còn nợ tạm tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hợp đồng tín dụng số 1716388.20 ngày 09 tháng 3 năm 2020 kèm theo Điều khoản và Điều kiện cấp tín dụng, gồm: 75.947.825 đồng nợ gốc, 4.740.240 đồng nợ lãi trong hạn, 20.164.847 đồng nợ lãi quá hạn, 634.859 đồng nợ lãi chậm trả tiền lãi và tiền lãi quá hạn kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến khi bị đơn thanh toán hết nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, số loại Wigo, biển số 51H-268.79, số khung MHKA7GE5VKJ005179, số máy 3NRH486022 (Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 554733 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 3 năm 2020) theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5982398.20 ngày 09 tháng 3 năm 2020 và Phụ lục 1, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09 tháng 3 năm 2020. Bất kỳ sự thay đổi, sửa chữa, nâng cấp nào của bị đơn đối với tài sản thế chấp làm tăng giá trị thực tế của tài sản thế chấp sẽ được coi là bộ phận không thể tách rời thuộc tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay cho nguyên đơn.

Toàn bộ số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bị đơn với nguyên đơn. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ còn lại cho nguyên đơn.

Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu bị đơn thanh toán 32.393.033 đồng nợ gốc, 3.312.183 đồng nợ lãi, tổng cộng là 35.705.216 đồng của thẻ tín dụng số 000000000441864, giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện còn lại; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là ông Đoàn Du L1, bà Nguyễn Thị Lan H. Theo kết quả xác minh ngày của Công an phường N, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Số A đường K, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư trú tại địa phương, nơi ở hiện nay A Đường A, KDC P, Ấp E, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh ngày của Công an phường B, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn có đăng ký tạm trú, hiện không còn thực tế cư trú tại địa chỉ trên từ tháng 12 năm 2025 đến nay. Căn cứ điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Cư trú. Xét thấy, trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản nên được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú”; Trường hợp bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh. Do không tìm được địa chỉ cư trú của đương sự nên Tòa án đã thực hiện thủ tục đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.

[2] Bị đơn không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu

thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng tín dụng số 1716388.20 ngày 09 tháng 3 năm 2020 kèm theo Điều khoản và Điều kiện cấp tín dụng, thỏa thuận nguyên đơn cho bị đơn vay 240.000.000 đồng; Thời hạn vay 84 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân; Mục đích vay: Thanh toán mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota, hợp đồng mua bán xe số 02178TAS20-HDMB ngày 26/02/2020. Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn 240.000.000 đồng ngày 10 tháng 3 năm 2020; Thời hạn vay 84 tháng, từ ngày 11 tháng 3 năm 2020 đến ngày 10 tháng 3 năm 2027; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,6%/năm áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng Lãi suất cơ sở theo sản phẩm tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm; Hoàn trả khoản vay gốc mỗi tháng 2.858.000 đồng, kỳ cuối trả 2.786.000 đồng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 25 tháng 3 năm 2020 theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 1716388(1).20 ngày 10 tháng 3 năm 2020. Bị đơn đã thanh toán nhiều lần tổng cộng là 260.023.578 đồng, gồm: 164.052.175 đồng nợ gốc, 95.971.398 đồng nợ lãi và 5 đồng tiền lãi phạt; Trong thời gian này, bị đơn không khiếu nại các thông báo giao dịch, tiền lãi và dư nợ hàng tháng mà vẫn đóng tiền.

[5] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 75.947.825 đồng nợ gốc, đúng quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ để được chấp nhận.

[6] Căn cứ thỏa thuận của hai bên tại điểm 4.3 Điều 4 Điều khoản và Điều kiện cấp tín dụng kèm theo Hợp đồng tín dụng số 1716388.20 ngày 09 tháng 3 năm 2020, quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các khoản 2 và 3 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 4.740.240 đồng nợ lãi trong hạn, 20.164.847 đồng nợ lãi quá hạn, 634.859 đồng nợ lãi chậm trả tiền lãi.

[7] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải thanh toán lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến ngày thanh toán hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[8] Để bảo đảm cho khoản vay trên, bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn 01 xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, số loại Wigo, biển số 51H-268.79, số khung MHKA7GE5VKJ005179, số máy 3NRH486022 (Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 554733 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 3 năm 2020) theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5982398.20 ngày 09 tháng 3 năm 2020 và Phụ lục 1, đăng ký giao dịch

bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09 tháng 3 năm 2020. Theo Văn bản số 972/PC08-ĐKX ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, số loại Wigo, biển số 51H-268.79, màu sơn: cam, số khung MHKA7GE5VKJ005179, số máy 3NRH486022; Ngày 03 tháng 3 năm 2020 đăng ký lần đầu chủ sở hữu là ông Đoàn Du L1, thế chấp theo Thông báo số 28387/TT2-TB ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh, từ ngày 03 tháng 3 năm 2020 đến nay không thay đổi chủ sở hữu. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy việc thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm và khoản 1 Điều 5 Thông tư 06/2020/TT-BTP ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tư pháp hướng dẫn vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đ thuộc Bộ Tư pháp nên yêu cầu này của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận theo khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và các điều 299, 323 của .

[9] Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ hướng dẫn Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, trường hợp bên thế chấp thực hiện quyền đầu tư để làm tăng giá trị của tài sản thế chấp theo quy định tại khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Dân sự thì phần giá trị đầu tư tăng thêm thuộc tài sản thế chấp.

[10] Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 307 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản cầm cố, thế chấp nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì phần nghĩa vụ chưa được thanh toán được xác định là nghĩa vụ không có bảo đảm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận bổ sung tài sản bảo đảm; Nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn phải thực hiện phần nghĩa vụ chưa được thanh toán.

[11] Nguyên đơn rút yêu cầu bị đơn thanh toán 32.393.033 đồng nợ gốc, 3.312.183 đồng nợ lãi, tổng cộng là 35.705.216 đồng của thẻ tín dụng số 000000000441864. Xét việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[12] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.074.389 đồng, quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Các điều 299, 323 và khoản 3 Điều 307 của ; Khoản 1 Điều 20 Nghị định 21/2021/NĐ-CP

ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ hướng dẫn Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Các khoản 2, 3 và 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điểm a khoản 2 Điều 4 ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Khoản 1 Điều 5 Thông tư 06/2020/TT-BTP ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tư pháp hướng dẫn vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đ thuộc Bộ Tư pháp; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 07 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Buộc ông Đoàn Du L1 và bà Nguyễn Thị Lan H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q 101.487.771 đồng còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 1716388.20 ngày 09 tháng 3 năm 2020 kèm theo Điều khoản và Điều kiện cấp tín dụng, gồm: 75.947.825 đồng nợ gốc, 4.740.240 đồng nợ lãi trong hạn, 20.164.847 đồng nợ lãi quá hạn và 634.859 đồng nợ lãi chậm trả tiền lãi tạm tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Trường hợp ông Đoàn Du L1 và bà Nguyễn Thị Lan H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, số loại Wigo, biển số 51H-268.79, số khung MHKA7GE5VKJ005179, số máy 3NRH486022 (Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 554733 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 3 năm 2020) theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5982398.20 ngày 09 tháng 3 năm 2020 và Phụ lục 1, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09 tháng 3 năm 2020 theo quy định pháp luật để thi hành án.

Trường hợp ông Đoàn Du L1 và bà Nguyễn Thị Lan H thực hiện quyền đầu tư để làm tăng giá trị của tài sản thế chấp theo quy định tại khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Dân sự thì phần giá trị đầu tư tăng thêm thuộc tài sản thế chấp.

Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản cầm cố, thế chấp nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì phần nghĩa vụ chưa được thanh toán được xác định là nghĩa vụ không có bảo đảm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận bổ sung tài sản bảo đảm; Ông Đoàn Du L1 và bà Nguyễn Thị Lan H phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q phần nghĩa vụ chưa được thanh toán.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q về việc yêu cầu ông Đoàn Du L1 và bà Nguyễn Thị Lan H thanh toán 32.393.033 đồng nợ gốc, 3.312.183 đồng nợ lãi, tổng cộng là 35.705.216 đồng của thẻ tín dụng số 000000000441864.

3. Về án phí: Ông Đoàn Du L1 và bà Nguyễn Thị Lan H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.074.389 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.801.000 đồng theo biên lai số 0053371 ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận Hợp đồng tín dụng số 1716388.20 ngày 09 tháng 3 năm 2020 kèm theo Điều khoản và Điều kiện cấp tín dụng, Đơn đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số 1716388(1).20 ngày 10 tháng 3 năm 2020. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (16).



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Minh